

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

Trụ sở chính : Tòa nhà 80 - 82 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Tel: 511 - 3822057 | Fax: 511 - 3822478 | MSDN: 0400101901

Email: [hrd@vietranstimex.com.vn](mailto:hrd@vietranstimex.com.vn) | Website: [www.vietranstimex.com.vn](http://www.vietranstimex.com.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



---

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC  
MULTI MODAL TRANSPORT HOLDING COMPANY**



Số 80-82 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại : 511 – 3840399 / 3821626

Fax : 511 – 3822478 / 3822376

Mã số doanh nghiệp : 0400101901

[www.vietranstimex.com.vn](http://www.vietranstimex.com.vn)

[hrd@vietranstimex.com.vn](mailto:hrd@vietranstimex.com.vn)

---



## MỤC LỤC

Lịch sử hình thành và phát triển	Trang 3
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	Trang 6
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Trang 8
Báo cáo tài chính	Trang 12
Giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	Trang 15
Các Công ty có liên quan	Trang 16
Tổ chức và nhân sự	Trang 18
Thông tin cổ đông góp vốn và quản trị Công ty	Trang 23



## I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### 1. Những sự kiện quan trọng

#### 1.1 Việc thành lập

- Ngày 27/03/1976: Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1313-QĐ-TC về việc thành lập Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Bộ GTVT đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các khu vực Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang và các tỉnh lân cận theo kế hoạch Bộ GTVT giao.
- Ngày 17/05/1979 : Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1096/QĐ-TC về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II trực thuộc Bộ GTVT đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các tỉnh Miền Trung từ Bình Trị Thiên (cũ) đến Phú Khánh (cũ).
- Ngày 20/04/1983 : Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 855/QĐ-TCCB về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II thành Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Đại lý Vận tải đường biển Việt Nam.
- Ngày 01/08/1983 : Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1561/QĐ/TCCB về việc đổi tên Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải đường biển II trực thuộc Tổng cục đường biển Việt Nam.
- Ngày 16/12/1987 : Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 2339b/TCCB về việc chuyển Công ty Đại lý Vận tải Đường biển II thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ GTVT để đảm nhận nhiệm vụ tổ chức liên hiệp vận chuyển và thực hiện các loại dịch vụ vận tải.
- Ngày 11/03/1993 : Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 385/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập DNNN - Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ GTVT theo quy chế về thành lập và giải thể DNNN ban hành kèm theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Chính phủ).
- Ngày 27/11/1995 : Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 4896/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Tổng công ty Dịch vụ Vận tải.
- Ngày 15/05/1997: Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1273/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ GTVT.
- Ngày 21/10/2003 : Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 3097/QĐ-BGTVT về việc đổi tên Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Vận tải đa phương thức trực thuộc Bộ GTVT và hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

#### 1.2 Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

- Ngày 11/03/2008 : Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 598/QĐ-BGTVT của về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa năm 2008; trong đó có Công ty Vận tải đa phương thức.
- Ngày 28/05/2010 : Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Vận tải đa phương thức.
- Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo thông báo số 1272/SGDHN-TCKT ngày 21/07/2010 và Thông báo số 1529/SGDHN-TCKT ngày 25/08/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).



- Ngày 25/10/2010, Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- Ngày 01/11/2011, Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

### 1.3 Mô hình tổ chức

- Mô hình tổ chức : Công ty mẹ - Công ty con.
- Công ty mẹ : Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.
- Các công ty con :
  - + Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2
  - + Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6
  - + Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội
  - + Công ty TNHH Liên doanh BNX – VIETRANSTIMEX

## 2. Quá trình phát triển

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa; ven biển và viễn dương;
- Vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải : đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không; dịch vụ phụ trợ cho cảng sông, cảng biển;
- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; hàng hóa tại cảng sông và cảng biển; các dịch vụ phụ trợ bốc xếp khác;
- Kinh doanh logistic; cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa; đóng gói, bao bì cho hàng hóa; dịch vụ kho ngoại quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Gia công chế tạo sơ mi rơ moóc, rơ moóc chuyên dùng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, xếp dỡ; máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật; bao gồm : khảo sát hạ tầng giao thông; xây dựng phương án vận tải, xếp dỡ; phương án gia cố hạ tầng giao thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị; bao gồm : phương tiện thiết bị vận tải, xếp dỡ;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; bao gồm : cung ứng và cho thuê nhân lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ;
- Mua bán, đại lý, gia công, chế biến và phân phối các loại hàng hóa;
- Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư.
- Xây dựng, quản lý và khai thác cảng sông và cảng biển; dịch vụ cảng và bến cảng.

### 2.2 Tình hình hoạt động

- Sau khi chuyển đổi từ công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 01/11/2010, dưới sự chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu bộ máy, nhân sự điều hành, củng cố các đơn vị phụ



thuộc, các công ty con; đề ra những giải pháp hữu hiệu trong công tác quản lý nhất là rà soát, điều chỉnh các loại chi phí, tăng cường công tác khoán quản ... toàn thể cán bộ công nhân viên đã nêu cao tinh thần đoàn kết, đồng tâm nhất trí, nỗ lực cùng tập thể lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn, thúc đẩy sản xuất, do đó hiệu quả công việc và tình hình công ty đã có những bước phát triển tốt và vững chắc so với giai đoạn còn là doanh nghiệp nhà nước.

### **3. Định hướng phát triển**

#### **3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Duy trì và phát triển Công ty cổ phần theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- Giữ vững vị trí là một trong những nhà thầu vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án và thiết bị toàn bộ hàng đầu Việt Nam, từng bước phát triển để trở thành một trong những nhà thầu vận tải hàng đầu Đông Nam Á.
- Đảm bảo là một trong những cổ phiếu trong lĩnh vực vận tải hấp dẫn các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh có liên quan mật thiết trên nền tảng ngành nghề kinh doanh chính.
- Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 12%/ năm.

#### **3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Thực hiện thắng lợi mô hình tổ chức mới Công ty cổ phần.
- Mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết kinh tế, tận dụng các cơ hội thuận lợi của hội nhập khu vực và quốc tế, tăng cường hợp tác với các tập đoàn vận tải nước ngoài có cùng ngành nghề, có cơ sở vật chất kỹ thuật mạnh để cùng thắng thầu các dự án vận tải ở trong nước và khu vực; khai thác có hiệu quả quan hệ kinh tế đối ngoại nhất là trong lĩnh vực tiếp thị.
- Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư, đổi mới công nghệ và phát triển nhanh, vững chắc cơ sở hạ tầng, năng lực phương tiện thiết bị.
- Thực hiện đầu tư chiều sâu và áp dụng đồng bộ công nghệ tiên tiến, hiện đại về phương tiện, thiết bị vận tải xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng, thiết bị toàn bộ và các dịch vụ khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu vận tải hàng hoá của các dự án trong nước và khu vực.
- Mở rộng kinh doanh nhiều ngành nghề như: phát triển vận tải, dịch vụ vận tải đa phương thức, các loại hình dịch vụ cảng biển - logistic, tham gia đầu tư xây dựng kinh doanh cảng biển, phục vụ các công trình ven biển bằng các phương tiện vận tải biển chuyên dùng. Đầu tư mở rộng sản xuất cơ khí chế tạo trong lĩnh vực chế tạo các rơ moóc chuyên dùng (rơ moóc vận chuyển container, moóc siêu trường siêu trọng...) và các sản phẩm cơ khí khác phục vụ cho nội bộ và từng bước mở rộng bán sản phẩm ra ngoài xã hội.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và phát triển dịch vụ mới.
- Phát triển vận tải hàng dự án, hàng siêu trường, siêu trọng và thiết bị toàn bộ của các công trình thuộc ngành công nghiệp điện, xi măng, đạm, dầu khí... Mở rộng tuyến vận chuyển xuyên Á qua các cửa khẩu đường 9, đường 12, đường 8 với các mặt hàng thông



qua như thạch cao, xi măng... Liên doanh với các nhà máy xi măng để vận chuyển nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động SXKD năm 2010

- Năm 2010 những diễn biến chưa thật lành mạnh của thị trường về tình hình lạm phát, giá cả hàng hoá, tỷ giá ngoại tệ, giá vàng, giá nguyên nhiên vật liệu, các yếu tố chi phí đầu vào đều tăng cao... đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính phủ cũng đã có những biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát, giữ vững ổn định tình hình kinh tế xã hội. Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự khó khăn đó đối với mọi hoạt động SXKD của năm 2010.
- Doanh thu đạt mức 247,8 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 22,1 tỷ đồng; trong đó kết quả SXKD trong hai tháng công ty chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần : Doanh thu thực hiện 38,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 5,6 tỷ đồng đạt 81% so với Nghị quyết ĐHCĐ.

#### 1.1 Kết quả tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	TH 10 tháng đầu năm 2010	TH 2 tháng 11&12/2010	TH năm 2010
1	Tổng doanh thu	209.343	38.411	247.754
2	Lợi nhuận trước thuế	16.481	5.656	22.137
3	Lợi nhuận sau thuế	12.482	4.295	16.777
4	Nộp Ngân sách NN	17.171	4.405	21.576

#### 1.2 Tình hình phân chia lợi nhuận năm 2010

- Kết quả SXKD trong 10 tháng đầu năm 2010 công ty thực hiện phân phối theo quy định đối với công ty nhà nước; Và kết quả 2 tháng cuối năm 2010 Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, phương án phân phối lợi nhuận như sau:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	Thực hiện 2T 2010	Ghi chú
1	LN sau thuế TNDN 2T năm 2010	4.294.849.755	
2	Trích lập các quỹ	429.484.976	
	Trích 5% Quỹ dự phòng TC	214.742.488	
	Trích 5% quỹ khen thưởng phúc lợi	214.742.488	
3	Lợi nhuận còn lại chi trả cổ tức	3.865.364.779	
	- Cổ tức chi trả cho cổ đông	3.800.000.000	
	- LN sau thuế chưa phân phối	65.364.779	



4	Tỷ lệ cổ tức	1,9%
---	--------------	------

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Chỉ phân tích tình hình thực hiện từ sau khi công ty chuyển thành công ty cổ phần từ 01/11/2010, kết quả thực hiện 2 tháng 11&12 năm 2010 như sau:

*Đơn vị tính : triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2 tháng năm 2010	Thực hiện 2 tháng 11&12 năm 2010	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	53.000	38.411	72,5%
2	Tổng Lợi nhuận trước thuế	7.000	5.656	80,8%
3	Tổng Lợi nhuận sau thuế	5.320	4.295	80,7%
4	Tỷ lệ cổ tức	1,8%	1,9%	103,6%

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Công ty chuyển đổi sang công ty cổ phần từ ngày 01/11/2010, do đó hai tháng cuối năm công ty tập trung chủ yếu vào các hoạt động ổn định tổ chức của công ty cổ phần như: công tác tổ chức cán bộ hình thành bộ máy HĐQT, Ban TGĐ, nhân sự phòng ban, đơn vị; quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định chuyển đổi các đơn vị phụ thuộc; đăng ký kinh doanh, các Quy chế quản lý nội bộ... để công ty chính thức đi vào hoạt động sau chuyển đổi.
- Về đầu tư tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư như nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra :
  - + Dự án đầu tư đoàn Rơ mooc tự hành MSPE 48 trục đang triển khai thực hiện. Dự kiến đưa vào khai thác tháng 6/2011.
  - + Dự án đầu tư đoàn Rơ mooc thủy lực 24 trục đã đưa vào khai thác tháng 2/2011.
  - + Dự án đầu tư 3 đầu kéo đặc chủng, công suất: 680CV/chiếc, đã đưa vào khai thác tháng 2/2011.

## 4. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2011

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị công ty xác định hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu vẫn ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế nước ta, các doanh nghiệp vẫn phải đứng trước những thử thách khá lớn, vì vậy việc xây dựng kế hoạch thực hiện cho năm nay cần hết sức thận trọng và dựa trên thực lực của công ty. Do vậy, Hội đồng quản trị đã thống nhất những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 như sau :

- Nâng cao chất lượng vận tải, dịch vụ vận tải và chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ công nhân viên. Tiếp tục duy trì và giữ vững là một trong những công ty hàng đầu tại Việt Nam về vận tải hàng siêu trường, siêu trọng và thiết bị toàn bộ. Không ngừng phát triển thương hiệu VIETRANSTIMEX trên thị trường vận tải khu vực và quốc tế.
- Tăng cường tiếp thị mở rộng thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt là Lào, Campuchia. Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tận dụng nguồn lực tài chính và phương tiện của các đối tác này.





- Hợp lý hóa sản xuất, không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các cổ đông đầu tư vào công ty. Phát triển công ty theo hướng ổn định và bền vững.
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Công ty Mẹ tại các Công ty Con tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 gồm có: Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6 và Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2.
- Về công ty con : Nghiên cứu xây dựng phương án khả thi trình Đại hội đồng cổ đông để sáp nhập một số Công ty con vào Công ty Mẹ, đồng thời tổ chức lại các công ty phụ thuộc với các nội dung :
  - + Lập phương án thoái vốn và chấm dứt hoạt động liên doanh tại Công ty TNHH Liên doanh BNX – VTT do hoạt động kinh doanh không hiệu quả và không đạt được mục tiêu chiến lược của Công ty Mẹ.
  - + Lập phương án tách công ty theo đề nghị của các cổ đông lớn của Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà nội để tiến hành củng cố công ty này.
  - + Tiếp tục củng cố các hoạt động SXKD của các Công ty con như Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6 và Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2; tổ chức lại các công ty phụ thuộc : Chi nhánh Hà Nội, Công ty Vận tải đa phương thức 1, 7 và 9.
- Lập phương án chi tiết về việc tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình.
- Xem xét chọn phương thức huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh doanh năm 2011 :

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	247.754	285.000	115%
2	Lợi nhuận trước thuế	22.137	35.800	162%
3	Lợi nhuận sau thuế	16.777	28.280	169%
4	Cổ tức thực hiện %/vốn điều lệ	11,4	12	105%

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### 1.1 Chỉ số khả năng sinh lời

Tính cho tháng 11&12 năm 2010

1.	Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	29,41
2.	Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	15,24
3.	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	11,57
4.	ROA	%	1,02
5.	ROE	%	1,96



## 1.2 Chỉ số khả năng thanh toán

1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,22
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,08

## 1.3 Tổng tài sản

- Tại thời điểm 31/12/2010 : Tổng tài sản theo báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán là 422.377.087.580 đồng.

## 1.4 Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu quỹ	0
- Cổ phiếu phổ thông	0
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng	

## 1.5 Cổ tức chia cho các cổ đông

- Tỷ lệ cổ tức và thời gian chi trả cổ tức năm tài chính đầu tiên (từ 01/11/2010 đến 31/12/2010) cho các cổ đông góp vốn dự kiến 1,9% trên mệnh giá cổ phiếu và do đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 quyết định.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 2.1 Kết quả SXKD 10 tháng đầu năm và năm 2010

- Thời gian này Công ty là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, công ty thực hiện việc báo cáo tài chính và phân phối kết quả kinh doanh theo quy định đối với công ty nhà nước. Kết quả như sau:

Đơn vị tính : triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 10 tháng năm 2010	Thực hiện năm 2010	Ghi chú
1	Tổng doanh thu thuần	209.343	247.754	
2	Lợi nhuận trước thuế	16.481	22.137	
3	Lợi nhuận sau thuế	12.482	16.777	
4	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước/vốn điều lệ	29,26%	18,01%	



5	Phải nộp NSNN	17.171	21.576
6	Thu nhập bình quân/người/tháng	8,1	8,1

## 2.2 Kết quả SXKD Công ty trong 2 tháng 11&12 năm 2010

- Do Công ty chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần từ 01/11/2010 được đánh giá kết quả thực hiện như sau:

*Đơn vị tính : triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	NQ ĐHCĐ 2		TH/KH (%)
		tháng 11&12 năm 2010	Thực hiện 2 tháng 11&12 năm 2010	
1	Tổng doanh thu	53.000	38.411	72,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	7.000	5.656	80,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	5.320	4.295	80,7%
4	Tỷ lệ cổ tức	1,8%	1,9%	103,6%
5	Phải nộp NSNN	3.100	4.405	142,1%
6	Thu nhập bình quân/người/tháng		6,5	

- Năm 2010 do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, nền kinh tế trong nước cũng bị tác động mạnh khiến cho các dự án đầu tư trong nước giảm, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 tháng cuối năm 2010, tuy nhiên tỷ lệ cổ tức 2 tháng cuối năm vẫn đạt so với nghị quyết lần đầu ĐHCĐ ngày 25/10/2010 đề ra là 11% năm, cụ thể như sau :

- + Doanh thu đạt 72,5%;
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 80,7%;
- + Tỷ lệ cổ tức 1,9%,

## 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, quyết định những vấn đề có liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Công ty. Những vấn đề được Hội đồng quản trị xem xét thực tế phê duyệt phù hợp với tính năng hoạt động đa năng, lưu động thường xuyên của Công ty.
- Hội đồng quản trị quản lý Công ty sâu sát hơn, cụ thể hơn và có nhiều giải pháp tích cực đảm bảo tỷ suất lợi nhuận, cổ tức theo nghị quyết ĐHCĐ, đồng thời không ngừng nâng cao thu nhập người lao động trên cơ sở nâng cao năng suất, hiệu quả.
- Ban Kiểm soát giúp Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty mẹ và Công ty con, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ... Ban Kiểm soát hoạt động tích cực, góp phần đưa hoạt động của Công ty vào nề nếp.
- Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các Nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, cùng với sự tham mưu giúp việc của các phòng ban nghiệp vụ.
- Sự phối hợp nhịp nhàng trên đã từng bước đưa hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức theo mô hình Công ty cổ phần đi vào ổn định.



- Căn cứ vào Điều lệ, các quy định của Nhà nước, Công ty đang xây dựng “Quy chế quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh” trình Hội đồng quản trị phê duyệt để tổ chức thực hiện. Quy chế mới sẽ thể hiện tính thống nhất, tính chỉ đạo, phân công, phân cấp cụ thể trong mọi lĩnh vực, là cẩm nang quan trọng để các phòng ban nghiệp vụ, các Công ty phụ thuộc. Các Công ty con tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm cao hơn, bên cạnh sự quản lý, giám sát của Công ty mẹ qua người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty con.
- Dưới sự quản lý của Hội đồng quản trị và điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần đã phát huy kết quả thiết thực, vốn tại doanh nghiệp liên tục được bổ sung, doanh thu, các chỉ tiêu kinh tế đạt cao, đời sống, thu nhập của người lao động không ngừng được nâng cao.
- Từ khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng thông thoáng, kịp thời hơn, tạo được tính năng động sáng tạo, tự chủ của các Công ty con. Đối với các Công ty phụ thuộc, tính chủ động càng được nâng cao, hoạt động năng nổ hơn, nhất là những vấn đề đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh được xem xét, giải quyết kịp thời, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tăng lên đáng kể. Đời sống người lao động không ngừng được cải thiện, năng suất lao động tăng, đảm bảo nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước và các chỉ tiêu kinh tế khác.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2011

- Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2010, Ban Tổng giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011 số liệu cụ thể như sau :

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	247.753.563.008	285.000.000.000	115%
2	Lợi nhuận trước thuế	22.136.603.865	35.800.000.000	162%
3	Thuế TNDN	5.359.494.335	7.520.000.000	140%
4	Lợi nhuận sau thuế	16.777.109.530	28.280.000.000	169%
5	Tỷ lệ cổ tức		12%	
6	Nộp NSNN	21.575.799.250	23.200.000.000	108%

- Để có thể thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Ban Tổng giám đốc công ty sẽ đề ra những nhóm giải pháp cụ thể để triển khai từng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngay sau khi kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 thông qua.



#### IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/11/2010 đến ngày 31/12/2010

##### 1. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>156.700.041.130</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>50.949.688.678</b>
1. Tiền	111	5	19.449.688.678
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	31.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81.934.449.898</b>
1. Phải thu khách hàng	131		59.051.199.330
2. Trả trước người bán	132		20.677.726.596
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.205.523.972
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.778.765.767</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	17.778.765.767
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.037.136.787</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	347.965.139
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		143.588.828
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	5.545.582.820
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>265.677.046.450</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>237.143.333.942</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	163.705.978.431
- Nguyên giá	222		329.583.644.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165.877.665.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	1.432.642.535
- Nguyên giá	225		2.096.542.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(663.899.465)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	68.421.196.479
- Nguyên giá	228		68.910.917.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(489.721.090)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	3.583.516.497
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	15	<b>17.946.318.625</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.365.673.471
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		816.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(235.354.846)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.587.393.883</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	10.479.393.883
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>422.377.087.580</b>



NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>203.712.415.999</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128.371.607.431</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	17	59.902.104.011
2.	Phải trả người bán	312		5.870.127.978
3.	Người mua trả tiền trước	313		290.019.232
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	4.363.939.294
5.	Phải trả người lao động	315		7.299.156.982
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	50.451.517.446
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		194.742.488
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>75.340.808.568</b>
1.	Vay và nợ dài hạn	334	20	75.207.792.025
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		11.627.653
3.	Doanh thu chưa thực hiện	338	21	121.388.890
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>218.664.671.581</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>218.664.671.581</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	200.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	22	15.055.540.080
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(470.975.766)
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418	22	214.742.488
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	3.865.364.779
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>422.377.087.580</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		31/12/2010
Ngoại tệ các loại	USD	387.484,15
	EUR	7.233,28



## 2. Báo cáo kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng &amp; cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>37.119.841.446</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		37.119.841.446
4. Giá vốn hàng bán	11	24	26.202.419.095
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>10.917.422.351</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.246.089.595
7. Chi phí tài chính	22	26	3.044.847.676
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.403.820.883
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.468.334.133
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.650.330.137</b>
11. Thu nhập khác	31	27	44.933.965
12. Chi phí khác	32	28	39.417.155
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>5.516.810</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	29	<b>5.655.846.947</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.360.997.192
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>29</b>	<b>4.294.849.755</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	215



### 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	45.825.014.896
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(31.595.606.263)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.181.001.109)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.403.820.883)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.573.497.143)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	80.582.763.868
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.596.698.282)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>53.057.155.084</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(258.640.997)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	675.977.368
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>417.336.371</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.670.650.121
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.022.633.730)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.351.983.609)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>51.122.507.846</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(172.819.168)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>50.949.688.678</b>

### V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

#### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
- Ý kiến kiểm toán độc lập :
  - + Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức đã chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/11/2010. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, việc bàn giao Vốn và Tài sản cũng như các số liệu kế toán khác giữa Doanh nghiệp nhà nước và Công ty Cổ phần vẫn chưa được thực hiện. Hạn chế này chúng tôi cũng không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế.
  - + Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu ngoại trừ sự ảnh hưởng của vấn đề nêu trên thì các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/11/2010 đến ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Các nhận xét đặc biệt : không





## 2. Kiểm toán nội bộ

- Không

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1. Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh

Stt	Đơn vị	Vốn điều lệ	Vốn Công ty mẹ		Vốn cổ đông khác	
			Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào Cty con</b>		<b>15.442.820.000</b>			
1	Công ty CP VTĐPT 2	9.737.480.000	5.330.600.000	55	4.406.880.000	45
2	Công ty CP VTĐPT 6	13.400.220.000	6.997.920.000	52	6.402.300.000	48
3	Công ty CP VTT HN	6.000.000.000	3.114.300.000	52	2.885.700.000	48
<b>II</b>	<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh</b>		<b>816.000.000</b>			
1	Công ty TNHH LD BNX-Vietranstimex	1.600.000.000	816.000.000	51	784.000.000	49

### 2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên doanh

#### 2.1 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2

- Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2 được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa đơn vị trực thuộc Công ty Vận tải đa phương thức (nay là Công ty CP vận tải đa phương thức) theo Quyết định số 269/QĐ – BGTVT ngày 25/01/2005 của Bộ Giao thông vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2903000033 ngày 18 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Bình cấp. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Kinh doanh vận tải hàng quá cảnh, hàng thiết bị toàn bộ liên vận quốc tế; Khai thác đá và khai thác mỏ khác; Mua bán nguyên liệu và chất đốt phục vụ cho sản xuất xi măng.

- Trụ sở chính :

+ Địa chỉ: 02 Lê Lợi, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

+ Điện thoại : 052.3822114 Fax : 052.3820708

- Tình hình tài chính năm 2010 :

Doanh thu thuần	đồng	70.765.806.426
Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.550.623.755
LN trước thuế / Tổng doanh thu	%	2,19
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	287,00
Số lượng nhân viên	người	138
Trong đó CB quản lý	người	44



## 2.2 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6

- Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6 trước đây có tên gọi là Công ty cổ phần Vận tải biển II được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3808/1999/QĐ/BGTVT ngày 30/12/1999 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000004 ngày 09/04/2000. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vận tải biển và dịch vụ cảng: hoa tiêu lai dắt và hỗ trợ kéo tàu biển, cung cấp thực phẩm, dầu, nước, thu gom đồ rác và xử lý nước la canh thải, dịch vụ cảng vụ, bảo đảm hàng hải, dịch vụ khai thác trên bờ cần thiết cho hoạt động con tàu kể cả cung cấp thông tin liên lạc, nước và điện công cộng, sửa chữa khẩn cấp trang thiết bị, dịch vụ neo đậu và cầu cảng; Dịch vụ kiểm kiện và giao nhận hàng hóa; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, lưu kho bãi và cho thuê kho bãi, trạm làm hàng container

- Trụ sở chính :

+ Địa chỉ: 38 Lê Văn Linh, Phường 12, Quận 4, TP. HCM

+ Điện thoại: 08.54010748 Fax: 08.54010751

- Tình hình tài chính năm 2010 :

Doanh thu thuần	đồng	14.772.376.372
Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.257.701.153
LN trước thuế / tổng doanh thu	%	8,51
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	815
Số lượng nhân viên	người	24
Trong đó CB quản lý	người	10

## 2.3 Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội

- Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Vận tải thủy Hà Nội trực thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 4334/QĐ-UBND ngày 29/ 09/2006 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014033 ngày 01 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ, kinh doanh các dịch vụ, hoạt động hỗ trợ cho vận tải hàng không thông thường, hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh, hàng siêu trường, siêu trọng, các thiết bị toàn bộ trong và ngoài nước; kinh doanh vận tải hàng hóa đường sông và vận tải đa phương thức; Sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy, vận tải ô tô; gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí.

- Trụ sở chính

+ Địa chỉ: 881 Bạch Đằng- Quận Hai Bà Trưng- Thành phố Hà Nội

+ Điện thoại: (84) 04. 39717568 Fax: (84) 04. 38211943

- Tình hình tài chính năm 2010 :

Doanh thu thuần	đồng	6.642.930.513
Lợi nhuận trước thuế	đồng	(855.249.781)
LN trước thuế / tổng doanh thu	%	(12,87)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	(1.425)
Số lượng nhân viên	người	57



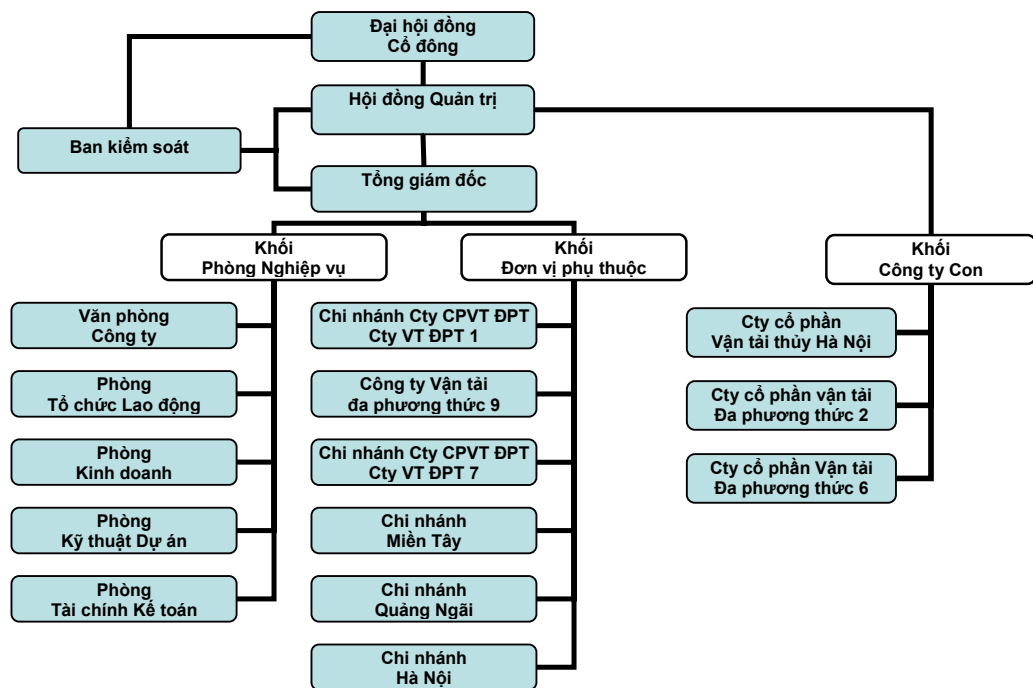
**2.4 Công ty TNHH liên doanh BNX-Vietranstimex**

- Công ty TNHH Liên doanh BNX - Vietranstimex được thành lập bởi Bên Việt Nam - Công ty Vận tải đa phương thức (nay là Công ty CP Vận tải đa phương thức) và Bên nước ngoài - BNX Shipping Inc (có trụ sở đăng ký tại 19440 Dominguez Hills Dr. Rancho Dominguez, CA 90220, Hoa Kỳ) theo giấy chứng nhận đầu tư số 411022000221 ngày 16/04/2008 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời hạn hoạt động của Công ty là 25 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận, xếp dỡ hàng hóa được vận tải bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không; dịch vụ khai thuê hải quan.
- Trụ sở chính
  - + Địa chỉ: 40 Lê Văn Linh, Quận 4, TP.HCM
  - + Điện thoại: 08.38265445 Fax: 08.38265446
- Tình hình tài chính năm 2010 :

Doanh thu thuần	đồng	12.971.815.740
Lợi nhuận trước thuế	đồng	156.761.636
LN trước thuế / tổng doanh thu	%	1,21

**VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

**1. Cơ cấu tổ chức của công ty**





## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Hội đồng Quản trị

### 2.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Nguyễn Tăng Mãng

- Ngày sinh : 15/02/1963                      Giới tính : Nam                      Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 200011434; ngày cấp: 17/04/2010; nơi cấp: Công an Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : Tổ 18, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ : C - Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 18/01/1986 đến 31/10/1992	Công ty Dịch vụ vận tải II	Nhân viên kế toán tổng hợp phòng Kế toán tài vụ
Từ 01/11/1992 đến 22/09/1996	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
Từ 23/09/1996 đến 13/01/1997	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Xuất nhập khẩu thuộc Cty Dịch vụ vận tải II
Từ 14/01/1997 đến 26/10/1997	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
Từ 27/10/1997 đến 29/02/2005	Công ty Dịch vụ vận tải II	Kế toán trưởng Công ty
Từ 02/04/2006 đến 23/03/2008	Công ty Vận tải đa phương thức	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6
Từ 01/03/2005 đến 30/10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

### 2.2 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Nguyễn Đăng Sâm

- Ngày sinh : 28/12/1943                      Giới tính : Nam                      Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201372915; ngày cấp: 23/06/2010; nơi cấp: CA TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : 88 Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư vận tải ô tô
- Trình độ ngoại ngữ : A – Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 07/1959 đến 05/1976	Ty Giao thông Vận tải Tỉnh Quảng Bình	Cán bộ thống kê kế hoạch Trưởng Ban tham mưu vận tải Trưởng Phòng vận tải
Từ 06/1976 đến 09/1983	Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Bình Trị Thiên	Trưởng Phòng Vận tải Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp
Từ 10/1983 đến 12/1988	Trung tâm điều hòa vận tải khu vực miền Trung – Bộ Giao thông Vận tải	Phó giám đốc
Từ 01/1989 đến 10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Tổng Giám đốc
Từ 11/2010	Công ty cổ phần Vận tải đa	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc




---

 đến nay                      phương thức
 

---

### 2.3 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Lê Văn Hùng

- Ngày sinh : 28/04/1956                      Giới tính : Nam                      Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201164559; ngày cấp: 04/12/2008; nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : K263/9 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân toán, Cử nhân kinh tế ngoại thương
- Trình độ ngoại ngữ : B - Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
05/1979 đến 10/1992	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ
11/1992 đến 01/1996	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Phó trưởng phòng Kế hoạch điều độ
02/1996 đến 02/2004	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Trưởng phòng Kinh doanh
5/2004 đến 04/2006	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6
03/2005 đến 04/2007	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 9
05/2007 đến 06/2008	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Phó trưởng ban Ban chuẩn bị cổ phần hóa Công ty Vận tải đa phương thức
07/2008 đến 04/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - đại diện phần vốn Nhà nước, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2
05/2010 đến 30/10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Đại diện phần vốn Nhà nước, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2
Từ 01/11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Ủy viên Hội đồng quản trị

### 2.4 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Hà Tiến Đức

- Ngày sinh : 20/10/1968                      Giới tính : Nam                      Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201149809; ngày cấp: 20/ 02/ 2003; nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng



- Hộ khẩu thường trú : Tổ 7, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
- Trình độ ngoại ngữ : A - Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 7/1991 đến 5/1993	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Kế toán viên phòng Tài chính kế toán
Từ 6/1993 đến 6/1994	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Kế toán trưởng Chi nhánh DVVT Bình Định
Từ 7/1994 đến 1/1996	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Kế toán trưởng Xí nghiệp vận tải biển
Từ 2/1996 đến 4/2002	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Kế toán chuyên quản phòng Tài chính kế toán
Từ 5/2002 đến 1/2004	Công ty Dịch vụ vận tải II (nay là Công ty Vận tải đa phương thức)	Phó Giám đốc Xí nghiệp Vận tải xếp dỡ
Từ 2/2004 đến 30/10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT – Trưởng ban K.soát
Từ 01/11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT

## 2.5 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phan Thanh Tùng

- Ngày sinh : 22/07/1970      Giới tính : Nam      Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 030828718; ngày cấp: 02/01/1998; nơi cấp: Công an TP Hải Phòng
- Hộ khẩu thường trú : 19B Nguyễn Trung Trực, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác tàu biển, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Trình độ ngoại ngữ : Cử nhân Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 04/1994 đến 06/1994	PTSC Hà Nội	Nhân viên thương mại
Từ 06/1994 đến 12/1997	Xí nghiệp tàu Dịch vụ dầu khí PTSC	Nhân viên vô tuyến điện
Từ 01/1998 đến 11/1998	Xí nghiệp tàu Dịch vụ dầu khí PTSC	Nhân viên quản lý vật tư
Từ 12/1998 đến 07/2001	Phòng Thương mại - Xí nghiệp tàu Dịch vụ dầu khí PTSC	Nhân viên Kinh tế hợp đồng
Từ 08/2001 đến 01/2002	Xí nghiệp Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Phó phòng phụ trách phòng Thương mại
Từ 02/2002	Xí nghiệp Dịch vụ cơ khí Hàng	Phó giám đốc



đến 05/2007	hải	
Từ 05/2007 đến 12/2007	Công ty Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Phó giám đốc
Từ 12/2007 đến nay	Công ty Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Giám đốc

### 3. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng giám đốc

#### 3.1 Tổng Giám đốc – Nguyễn Đăng Sâm

- Xem mục 2.2 nêu trên.

#### 3.2 Phó Tổng Giám đốc – Võ Duy Nghi

- Ngày sinh : 01/04/1968                      Giới tính : Nam                      Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201048594; ngày cấp: 12/10/1999; nơi cấp: CA TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : 56 Thanh Sơn, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị công
- Trình độ ngoại ngữ : C – Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ năm 1993 đến năm 1997	Công ty Vận tải đa phương thức	Nhân viên Phòng Kinh doanh
Từ năm 1998 đến năm 2003	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó Phòng Kinh doanh
Từ năm 2004 đến năm 2007	Công ty Vận tải đa phương thức	Trưởng Phòng Kinh doanh
Từ năm 2008 đến 10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc
Từ 11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc

#### 3.3 Phó Tổng Giám đốc – Ngô Tú

- Ngày sinh : 04/08/1960                      Giới tính : Nam                      Quốc tịch : Việt Nam
- CMND/Hộ chiếu số: 200264375; Ngày cấp: 10/06/2010; Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : 50 Hàn Thuyên, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí động lực
- Trình độ ngoại ngữ : C – Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 03/1987 đến 11/1990	Công ty Vận tải đa phương thức	Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Vật tư
Từ 12/1990 đến 12/2000	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó phòng Kỹ thuật Vật tư
Từ 01/01/2001 đến 06/2008	Công ty Vận tải đa phương thức	Trưởng Phòng Kỹ thuật Vật tư
Từ 07/2008	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc



đến 10/2010

Từ 11/2010  
đến nayCông ty cổ phần Vận tải đa phương  
thức

Phó Tổng Giám đốc

### 3.4 Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm

- Không có thay đổi.

### 3.5 Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc

- Tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh và quy chế tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp của Công ty.

### 3.6 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng CBCNV (tính đến thời điểm 31/03/2011): 445 người.
- Chính sách đối với người lao động căn cứ :
  - + Các quy định hiện hành của Nhà nước;
  - + Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động; quy chế phát triển nguồn nhân lực; quy chế đánh giá kết quả hoàn thành công việc; quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển và từ chức; quy chế tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp;
  - + Nội quy lao động;
  - + Thỏa ước lao động tập thể.

### 3.7 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

- Không có thay đổi.

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

#### 1.1 Hội đồng Quản trị

Stt	Họ và tên	Chức danh	Phân loại thành viên
1	Nguyễn Tăng Mãng	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
2	Nguyễn Đăng Sâm	Ủy viên	Thành viên điều hành
3	Hà Tiến Đức	Ủy viên	Thành viên độc lập không điều hành
4	Lê Văn Hùng	Ủy viên	Thành viên độc lập không điều hành
5	Phan Thanh Tùng	Ủy viên	Thành viên độc lập không điều hành

#### 1.2 Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng ban
2	Ông Văn Khương	Ủy viên
3	Châu Hoài Thanh	Ủy viên





### 1.3 Hoạt động của HĐQT

#### 1.3.1 Các phiên họp của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp theo đúng quy định; gồm có 02 phiên họp định kỳ và đột xuất để triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ lần thứ nhất và các nhiệm vụ được giao.
- Các quyết nghị thông qua tại phiên họp đều nhận được sự nhất trí 100% của các thành viên Hội đồng Quản trị.

#### 1.3.2 Những quyết nghị của Hội đồng quản trị

- Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị được ủy nhiệm cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và có kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện. Sau đây là nội dung các quyết nghị của Hội đồng quản trị đã ban hành thông qua các phiên họp trong năm 2010 :

##### a) Về lĩnh vực tổ chức và nhân sự

- Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức nhất trí 100% bầu Ông Nguyễn Tăng Mãng – Thành viên Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 – 2015.
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Đăng Sâm – Ủy viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức nhiệm kỳ 2010 – 2015.
- Thống nhất phân công nhiệm vụ và xác định quyền hạn của các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 – 2015.
- Quyết định cơ cấu tổ chức và thành lập các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.
- Bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; các Trưởng phòng ban, đơn vị trực thuộc theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc bổ nhiệm các chức danh còn lại.

##### b) Về lĩnh vực tài chính

- Quyết định cử Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại các Công ty Con là : Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2 và Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6.
- Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc ký hợp đồng vay vốn, bảo lãnh, thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tài chính và cho thuê tài chính.

##### c) Về lĩnh vực quản lý khác

- Hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng.
- Hoàn thành thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Quyết định mức thù lao đối với các thành viên không chuyên trách và mức tiền lương đối với các thành viên chuyên trách Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
- Phê duyệt Bộ quy chế quản lý và điều hành Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.

##### d) Về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông

- Chỉ đạo và phê duyệt kế hoạch tổ chức; dự thảo các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011.



#### 1.4 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Phối hợp tham gia với HĐQT và Ban TGD trong việc xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.
- Giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính năm 2010 của công ty mẹ và công ty con.

#### 1.5 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Tiếp tục hoàn thiện Bộ quy chế quản lý và điều hành của Công ty.
- Bổ sung điều chỉnh toàn bộ các quy trình thuộc Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

#### 1.6 Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí khác

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
- Giá trị các khoản tiền lương, thù lao và chi khác cụ thể như sau :

Đơn vị tính: đồng.

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/Thù lao	Thưởng tết	Cộng
<i>Hội đồng quản trị</i>				
Nguyễn Tăng Mãng	Chuyên trách	29.233.000	23.576.000	52.809.000
Lê Văn Hùng	Chuyên trách	24.169.000	19.428.000	43.597.000
Hà Tiến Đức	Chuyên trách	24.169.000	19.843.000	44.012.000
Nguyễn Đăng Sâm	Không chuyên trách	6.000.000	0	6.000.000
Phan Thanh Tùng	Không chuyên trách	6.000.000	0	6.000.000
<i>Ban kiểm soát</i>				
Nguyễn Thị Thu Thủy	Chuyên trách	20.241.000	16.001.000	36.242.000
Ông Văn Khương	Không chuyên trách	2.000.000	0	2.000.000
Châu Hoài Thanh	Không chuyên trách	2.000.000	0	2.000.000
Tổng tiền lương, thù lao và thưởng tết				192.660.000
Chi khác				10.742.960
Tổng cộng				203.402.960

#### 1.7 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : không phát sinh.
- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : không phát sinh



- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng :

Stt	Chức danh	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Tăng Mãng	2.400	0,01%
2	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Nguyễn Đăng Sâm	5.000	0,03%
3	Ủy viên HĐQT	Hà Tiến Đức	1.800	0,01%
4	Ủy viên HĐQT	Lê Văn Hùng	3.100	0,02%
5	Ủy viên HĐQT	Phan Thanh Tùng	0	0,00%
6	Trưởng Ban kiểm soát	Nguyễn Thị Thu Thủy	1.700	0,01%
7	Ủy viên Ban kiểm soát	Ông Văn Khương	9.400	0,05%
8	Ủy viên Ban kiểm soát	Châu Hoài Thanh	0	0,00%
9	Phó Tổng giám đốc	Võ Duy Nghi	39.600	0,20%
10	Phó Tổng giám đốc	Ngô Tứ	2.300	0,01%
11	Kế toán trưởng	Phan Văn Phúc	1.700	0,01%
Tổng cộng			67.000	0,34%

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những “Người có liên quan” tới thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng :

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Mỹ Lan	Vợ của Ủy viên HĐQT Lê Văn Hùng	3.000	0,02%
2	Nguyễn Thị Hồng	Vợ của Phó Tổng giám đốc Ngô Tứ	2.700	0,01%
3	Nguyễn Thị Mỹ Thủy	Con của Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Nguyễn Đăng Sâm	1.500	0,01%
4	Trần Thị Minh Dung	Vợ của Kế toán trưởng Phan Văn Phúc	1.300	0,01%
5	Nguyễn Thị Minh Tiên	Vợ của Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tăng Mãng	50.000	0,25%
Tổng cộng			58.500	0,29%

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông**

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu		
		Hạn chế chuyển nhượng	Không hạn chế chuyển nhượng	Tổng
<i>Cổ đông trong doanh nghiệp</i>	347	0	468.446	468.446
- HĐQT, BKS, Ban TGD	9	0	67.000	67.000
- CBCNV	338	0	401.446	401.446
<i>Cổ đông ngoài doanh nghiệp</i>	85	3.000.000	16.531.554	19.531.554
- Tổ chức trong nước	5	3.000.000	15.960.128	18.960.128
- Cá nhân trong nước	80	0	571.426	571.426
<b>Tổng cộng</b>	<b>432</b>	<b>3.000.000</b>	<b>17.000.000</b>	<b>20.000.000</b>

**2.1 Cổ đông Nhà nước**

- Đơn vị chủ sở hữu : Bộ Giao thông vận tải
- Địa chỉ : 80 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Số cổ phần sở hữu : 12.290.640 cổ phần; tỷ lệ : 61,45%
- Loại cổ phần : phổ thông

**2.2 Cổ đông chiến lược**

- Tên : Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)
- Trụ sở chính : Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 0100150577 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2006; Vốn điều lệ : 3.000 tỷ đồng; trong đó vốn Nhà nước (PetroVietnam) là 60%.
- Số lượng cổ phần : 3.000.000 cổ phần; tỷ lệ : 15%
- Loại cổ phần : phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm.

**2.3 Cổ đông lớn khác**

- Cổ đông lớn khác là những cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên (*không bao gồm : cổ đông Nhà nước và cổ đông chiến lược*) :

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)	2.400.000	12%
2	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital)	1.000.000	5%

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Đăng Sâm*